

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày: 20 - 9 - 2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Trương Thị Bích
Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2023/TLST-DS ngày 15
tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm
phạm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124A/2023/QĐXXST-DS ngày 22
tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn D**, sinh năm 1952 và bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh
năm 1955; cùng cư trú: **tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thị Liên H**, sinh
năm 1957, nơi cư trú: **số D, đường Q, tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C,
tỉnh An Giang**, có mặt.

Bị đơn: **Công ty cổ phần M1**, địa chỉ trụ sở chính: **Lâu G, số F N, phường Đ,
Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.**

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hương N, sinh năm 1984; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Bà Trương Thị Ngọc N1, sinh năm 1985; nơi cư trú: số A T, tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông D, bà H có mặt; Bà N, ông T1 vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn D, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Năm 1985, ông D, bà T được Trung đoàn Thông tin Quân khu I cho mượn khu đất triền núi phía dưới pháo đài trên đỉnh Núi Sam, diện tích khoảng 4.500m² (ngang 30m x dài 150m). Sau khi được Trung đoàn đồng ý, ông D, bà T đã cải tạo, tu sửa từ vùng đá gồ ghề thành vùng đất bằng phẳng và trồng cây, tạo cảnh thành khu vui chơi giải trí.

Khoảng đầu năm 2018, Công ty cổ phần M1 (sau đây gọi tắt là công ty M1) cho người đến đập phá, hủy hoại toàn bộ phần đất nêu trên để xây dựng tượng bà Chúa xứ mà không thông báo cho ông D, bà T. Do đó, ông D, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, tổng cộng 2.593.664.000, gồm các khoản sau:

- Các loại thú được tạc bằng vật liệu sắt thép cát, xi măng số lượng như sau: Gồm nai, thỏ, ngựa, voi, báo cao, hưu cao cổ, khủng long, con kết, tổng cộng 46.000.000 đồng.

- Các công trình tạo cảnh: 56.000.000 đồng.

- Các loại cây lâu năm trồng 02 đợt, tổng cộng 505.000.000 đồng.

- Tiền san lấp và tiền công san lấp mặt bằng với diện tích 4.500 m², với số tiền 1.159.800.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề do không hoạt động được,

tổng cộng 826.846.000 đồng.

(Chi tiết từng khoản được liệt kê tại Bảng đề nghị ngày 14/4/2021 v/v chi tiết tiền bồi thường vật kiến trúc, cây lâu năm và san lấp mặt bằng tại N, thành phố C, tỉnh An Giang).

Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: đơn khiếu nại, văn bản trả lời khiếu nại; các ảnh màu; tờ tường trình và xác nhận của các ông H1, T2, E, M, T3, và S.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty cổ phần M1 (sau đây gọi tắt là Công ty M1) trình bày:

Công ty M1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép để thực hiện dự án “Khu D xử - Cáp treo Núi Sam”. Do đó, Công ty tiến hành xây dựng trên phần đất được bàn giao có kết cấu là sườn núi, không được biết rõ phần đất nào của ông D, bà T. Đồng thời, tại thời điểm xây dựng không có các vật kiến trúc nài, hươu cao cổ, voi... như ông D, bà T trình bày, chỉ có một số tượng nhỏ đã bị mục nát xuống cấp do bỏ hoang lâu ngày, không có giá trị kinh tế nên lúc thi công Công ty đã dọn dẹp nhằm san lấp mặt bằng để triển khai xây dựng. Đồng thời, cũng không phát hiện ai hoạt động kinh doanh hay ngành nghề trên phần đất này và cũng không phát sinh tranh chấp. Khi san lấp, xây dựng diện tích khoảng 300m² còn lại hiện trạng vẫn giữ nguyên, hoàn toàn không có số lượng cây như ông D, bà T nêu. Theo ông D, bà T thì Quân đội cho phép tạo cảnh quan chụp ảnh, đây là thỏa thuận giữa ông D, bà T với Quân đội nên Công ty không có liên quan. Việc ông D, bà T cho rằng Công ty cho người đập phá, hủy hoại toàn bộ phần đất mà không thông báo là không đúng sự thật. Công ty xác định không gây thiệt hại về tài sản đối với ông D, bà T nên không có trách nhiệm bồi thường. Do đó, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trình bày của bị đơn gồm: Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch; các Quyết định điều chỉ chủ trương đầu tư; Công văn thống nhất một số nội dung về dự án du lịch văn hóa tâm linh cáp treo Núi Sam; các giấy phép xây dựng; biên bản bàn giao đất; biên bản thống nhất đồ án quy hoạch; bảng quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ như sau:

- Theo Công văn số 962/LĐ-TM ngày 13/12/2021 của Lữ Đoàn 29 – Quân khu I cho biết:

Khu đất trên Núi Sam (phía dưới pháo đài đỉnh N) có diện tích 15.569,4m² do Trung đoàn (nay là Lữ đoàn Thông tin 29), Quân khu I quản lý. Trong thời gian quản lý, đồng chí Nguyễn Thanh H2 - nguyên Phó trung đoàn trưởng có cho bà T mượn phần đất diện tích 4.500m² để trồng cây phủ xanh đất trống, đồi trọc và tạo cảnh chụp hình lưu niệm. Về mặt pháp lý, đồng chí H2 không có thẩm quyền cho bà T mượn đất quốc phòng, việc cho mượn đất không có lập văn bản hợp đồng mà chỉ thỏa thuận giữa đôi bên. Bà T được sử dụng tạm thời, không được phép mua bán, chuyển nhượng đất. Khi Trung đoàn 29 có nhu cầu sử dụng lại thì bà T có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng đất ban đầu để bàn giao, đơn vị không có trách nhiệm hỗ trợ di dời hoặc bồi thường tài sản cá nhân. Trung đoàn 29 cũng không yêu cầu bà T đóng thuế hoặc chia lợi nhuận từ việc trồng cây, chụp hình.

Sau khi được Trung đoàn cho mượn, bà T có trồng một số cây xanh là đúng nhưng cho rằng trồng 2.500 cây bạch đàn, 05 cây sứ, 100 cây lồng mức, 10 cây điệp là không có căn cứ chính xác. Vì khi trồng cây, Trung đoàn không trực tiếp kiểm tra, giám sát và hằng năm cũng không kiểm đếm nên không thể xác định được số lượng, chủng loại và năm tuổi của các loại cây.

Khoảng năm 1995, bà T có xây dựng một số tượng thú và công trình tạo cảnh trên đất để phục vụ chụp hình nhưng bà T không báo và kê khai nên đơn vị không nắm rõ số lượng cũng như số tiền đầu tư xây dựng. Đến ngày 11/01/2018, Lữ đoàn chuyển giao đất quốc phòng cho UBND tỉnh A quản lý đã bàn giao cả phần đất có cây trồng đã cho bà T mượn. Tại thời điểm này, số cây xanh cũng như tiểu cảnh hầu hết đã bị hư hại, xuống cấp do qua nhiều năm khai thác, sử dụng, giá trị còn lại không đáng kể.

- Theo Biên bản khảo sát hiện trạng, trao đổi thống nhất phương án xử lý đề nghị yêu cầu bồi thường tài sản, vật kiến trúc trong phạm vi đất thực hiện dự án Khu du lịch văn hóa tâm linh ngày 24/01/2019 của đoàn công tác gồm Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, thanh tra thành phố, Ủy ban nhân dân phường N (Bút lục số 40), thể hiện: Khu đất có nguồn gốc đất quốc phòng do Bộ I quản lý, sau đó chuyển giao cho UBND tỉnh A quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội. UBND tỉnh A đã giao cho UBND thành phố C quản lý theo Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 và Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 05/4/2018. UBND phố C đã bàn giao cho Công ty M1 để lập thủ tục thuê

đất, chuyển mục đích sử dụng đất để triển khai thực hiện dự án **Khu D** - Cáp treo Núi Sam theo quy hoạch và chủ trương đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt. Tại thời điểm kiểm tra, hiện trạng cây trồng, vật kiến trúc không còn, chỉ còn một số tượng như: nai, hươu cao cổ, ngựa rằn, voi, người cá, kết, bộ tề thiên đã hư hỏng nằm rải rác trên đất, đá.

- Theo lời khai người làm chứng ông **Giang Hưng T4** trình bày: ông **T4** công tác tại Phòng công tác văn hóa thông tin từ năm 1980 đến năm 2013, ông **T4** trực tiếp kiểm tra các hoạt động vui chơi, giải trí tại khu vực đỉnh Núi Sam nên biết từ khoảng năm 1987, ông **D**, bà **T** có mở khu tạo cảnh để cho khách du lịch tham quan, chụp ảnh tại gần khu vực Pháo đài đỉnh Núi Sam nhưng diện tích khu tạo cảnh không lớn, trong khu tạo cảnh có đặt một số tượng bằng xi măng và có các loại cây me, bạch đàn, lồng mức không rõ số lượng nhưng không nhiều, việc hoạt động của khu tạo cảnh chủ yếu vào tháng 1, tháng 3 và tháng 4 âm lịch do các tháng đó có lượng khách đông.

- Theo lời khai của người làm chứng **Lê Hoàng D1** trình bày: Ông **Dur hành n** nhiếp ảnh từ năm 1996 cho đến nay. Khoảng mười mấy năm trước, ông **D1** có dẫn khách du lịch lên đỉnh **N** để chụp hình, có đi ngang khu tạo cảnh của ông **D**, bà **T** quản lý, khu tạo cảnh có khoảng mười mấy tượng bằng xi măng, khi chụp ảnh tại đây phải đóng tiền 1.000 đồng/kiểu ảnh cho chủ khu tạo cảnh nhưng giữa các bên không có mối quan hệ làm công, thuê mướn hay phụ thuộc, không hưởng lương từ chủ khu tạo cảnh. Đối với hiện trạng đất lúc bấy giờ tại khu tạo cảnh là đất gồ ghề, không bằng phẳng, đất núi đá, chỉ những nơi có đặt tượng và chỗ thu tiền là tương đối bằng phẳng, có tráng xi măng, không rõ diện tích san lấp cũng như số lượng cây trồng trên khu tạo cảnh. Vào khoảng năm 2017, 2018, lượng khách đến chụp ảnh tại khu tạo cảnh đã vắng đi nhiều do có điện thoại thông minh và khu tạo cảnh đã xuống cấp.

- Theo lời khai của người làm chứng **Phạm Văn X** trình bày: Từ năm 1985 đến năm 2007, ông **X** làm nghề nhiếp ảnh tự do, thường xuyên chụp ảnh cho khách du lịch tại khu vực pháo đài và đỉnh Núi Sam. Thời gian chụp đông khách từ hết tháng 01 âm lịch, rằm tháng 3 đến 25/4 âm lịch hằng năm, còn lại các tháng khác rất vắng khách. Ông **D**, bà **T** có đặt khoảng mười mấy tượng để tạo cảnh chụp ảnh, khi vào khu tạo cảnh, khách phải trả tiền cho chủ khu tạo cảnh và thợ chụp ảnh nhưng giữa các bên không phụ thuộc hay thuê mướn. Việc ông **D**, bà **T** có san lấp mặt bằng và trồng cây tại khu tạo cảnh hay không thì không rõ. Vào khoảng năm 2017, 2018 ông **X** có thỉnh thoảng chụp ảnh tại khu vực khu vực

pháo đài đỉnh Núi Sam nơi Bà ngự, khi đó khu tạo cảnh đã xuống cấp nghiêm trọng vì không có người quản lý, trông coi và rất ích khách đến chụp hình vì đã có điện thoại di động thông minh và những cảnh này đã lỗi thời, không còn phù hợp.

- Theo lời khai của người làm chứng **Trần Văn S1** trình bày: Khoảng năm 1986 đến năm 1996, ông **S1** có nhận làm các tượng hình thú và các hình khác cho ông **D**, bà **T** để đặt trong khu tạo cảnh gần khu vực pháo đài đỉnh Núi Sam, số lượng tương đối nhiều nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ chính xác bao nhiêu tượng, kết cấu bằng xi măng, sắt, lưới chì và sơn chống thấm, chi phí mỗi tượng từ 01 đến 02 chỉ vàng 24Kara (giá tiền vào thời điểm đó khoảng 500.000 đồng/chỉ vàng), không rõ việc san lấp mặt bằng và các tượng còn hay có hư hỏng gì không.

Ngoài ra, còn có các Tờ tường trình và xác nhận của ông **H2**, ông **M**, ông **E** thể hiện ông **D**, bà **T** có tạo dựng khu tạo cảnh trên phần đất của Trung đoàn Thông tin 29.

Ngoài ra, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bị thiệt hại. Tuy nhiên, do hiện trạng các tài sản đã không còn như ông **D**, bà **T** trình bày, chỉ có các công trình do **Công ty M1** xây dựng, đối với các cây trồng không xác định được người trồng nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá được. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu theo nội dung đơn khởi kiện. Đồng thời, do đơn khởi kiện đánh nhằm số tiền 2.593.664.000 đồng nên xác định số tiền yêu cầu bồi thường tổng cộng là 2.593.646.000 đồng. Ông **D** còn trình bày diện tích của khu tạo cảnh là 4.500m², không đăng ký kinh doanh và cũng không ký hợp đồng thuê các thợ chụp ảnh. Khoảng cuối năm 2017, **Công ty M1** vào thi công xây dựng gây thiệt hại cho khu tạo cảnh, đến ngày 25/5/2018, ông **D**, bà **T** làm đơn khiếu nại đến **UBND phường N** về sự việc trên.

Ngoài ra, ông **D** còn bổ sung tài liệu, chứng cứ là các Tờ xác nhận của các ông (bà) **Lương Quang V**, **Nguyễn Thanh T5**, **Trần Viết Q**, **Huỳnh Văn V1**, **Trần Văn P**, **Nguyễn Thị Thanh H3**, **Châu Văn B**, **Nguyễn Văn T6**, **Huỳnh Thanh L**, **Huỳnh Văn H4**, **Huỳnh Thị N2**, **Đặng Văn D2**, nội dung như sau: vào năm 1986 có thỏa thuận miệng với **Doanh nghiệp P1** để vào chụp ảnh trong khu tạo cảnh, mỗi ngày chụp trung bình từ 40 - 60 kiểu ảnh (tùy từng người) được hưởng 5.000 đồng/kiểu, thời điểm hoạt động từ tháng 11 năm trước đến tháng 6 năm sau, trong khu

tạo cảnh có cây xanh, khoảng 40 tượng điêu khắc, đúc bằng sắt, đá, xi măng. Năm 2017, Công ty M1 san lấp toàn bộ khu tạo cảnh dẫn đến những người này thất nghiệp.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Thực tế ông D bà T có xây dựng một số tượng thú và công trình tạo cảnh để phục vụ cho du khách thuê chụp ảnh trên phần đất mượn từ Trung đoàn thông tin Quân khu I quản lý. Tuy nhiên, tại thời điểm Công ty cổ phần M1 vào khai thác thực hiện dự án Khu D - Cáp treo Núi Sam trong thời gian dài nhưng ông D bà T không biết, không có ý kiến đối với Công ty, điều này phù hợp lời khai người làm chứng ông D1, ông X thể hiện tại thời điểm Công ty khởi công xây dựng thì rất ít khách đến chụp ảnh, khu tạo cảnh đã xuống cấp, không có người quản lý, trông coi. Tại Công văn số số 962/LĐ-TM ngày 13/12/2021 của Lữ Đoàn 29 – Quân khu I (đơn vị quản lý khu đất) xác định, tại thời điểm Lữ đoàn chuyển giao đất quốc phòng cho UBND tỉnh A quản lý vào ngày 11/01/2018 đã bàn giao cả phần đất có cây trồng, số cây xanh cũng như tiểu cảnh do bà T tạo dựng trên phần đất hầu hết đã bị hư hại, xuống cấp do đã qua nhiều năm khai thác, sử dụng, giá trị còn lại không đáng kể. Do đó, ông D bà T cho rằng hiện đang khai thác hằng ngày để sinh lợi là không có cơ sở.

Hơn nữa, qua xem xét thẩm định xác định vật kiến trúc trên đất chỉ có các công trình do Công ty M1 xây dựng, các tượng tạo cảnh như nguyên đơn trình bày không còn nên không xác định được số lượng các tượng và các cây trồng không xác định được là mọc tự nhiên hay do chủ sử dụng trồng nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **D**, bà **T** về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 2.593.646.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông **D**, bà **T** có nơi cư trú tại **tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C**, khởi kiện yêu cầu **công ty M1** bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông **D**, bà **T** cho rằng khi **Công ty M1** thi công xây dựng đã gây thiệt hại cho khu tạo cảnh của ông, bà nên yêu cầu **Công ty M1** phải có trách nhiệm bồi thường về chi phí san lấp, trồng cây, tạo tượng thú, công trình tạo cảnh, tiền mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề, tổng cộng là 2.593.646.000 đồng.

[3.1] Đối với việc xây dựng khu tạo cảnh của ông **D**, bà **T**:

Theo kết quả xác minh do Lữ đoàn Thông tin 29 cung cấp, cùng lời khai của những người làm chứng, thấy rằng ông **D**, bà **T** có xây dựng khu tạo cảnh để cho khách tham quan chụp ảnh từ năm 1986 là có thật. Tuy nhiên, phần đất ông, bà xây dựng thuộc đất quốc phòng do Trung đoàn (nay là **L**) Thông tin 29 quản lý, giữa ông **D**, bà **T** và Lữ đoàn không ký kết hợp đồng thuê hay giao khoán nên việc ông **D**, bà **T** sử dụng phần đất này để làm địa điểm kinh doanh là không phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, Lữ đoàn cũng xác định nếu đơn vị có nhu cầu sử dụng đất thì ông **D**, bà **T** phải bàn giao lại nguyên trạng ban đầu, đơn vị không bồi thường hay hỗ trợ di dời tài sản cá nhân. Đến ngày 11/01/2018 **L1** đã

bàn giao đất lại cho UBND tỉnh A quản lý, tại thời điểm này số cây xanh và tiểu cảnh của ông D, bà T hầu hết đã bị hư hại, xuống cấp do qua nhiều năm khai thác, sử dụng, giá trị còn lại không đáng kể.

[3.2] Đối với thi công, xây dựng công trình của Công ty M1:

Công ty M1 được UBND tỉnh A chấp thuận chủ trương đầu tư “Khu du lịch văn hóa tâm linh Bà Chúa X - Cáp treo Núi Sam”, được Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng và được UBND thành phố C bàn giao phần đất trên khu vực đỉnh Núi Sam để thực hiện dự án nêu trên. Vì vậy, việc Công ty M1 tiếp quản sử dụng phần đất này để thi công xây dựng là đúng quy định pháp luật.

[3.3] Về thời điểm Công ty M1 thi công xây dựng mà ông D, bà T cho rằng gây thiệt hại về tài sản:

Theo đơn khởi kiện, ông D, bà T cho rằng khoảng đầu năm 2018, Công ty M1 gây thiệt hại cho khu tạo cảnh nhưng tại phiên tòa, ông D lại cho rằng là vào cuối năm 2017 khu tạo cảnh vẫn còn đang hoạt động để sinh lợi thì Công ty M1 thi công gây thiệt hại và đến ngày 25/5/2018, ông D, bà T làm đơn khiếu nại gửi đến UBND phường N để yêu cầu bồi thường. Lời khai này của ông D không thống nhất và không phù hợp, không xác định rõ thời gian xảy ra thiệt hại và trong thời gian dài (khoảng 5 tháng) khi Công ty M1 thi công, xây dựng ông D, bà T không có ý kiến phản đối.

Ngoài lời khai của ông D, bà T, ông bà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh vào thời điểm Công ty M1 bắt đầu thi công xây dựng thì các vật kiến trúc, cây trồng trong khu tạo cảnh vẫn còn và khu tạo cảnh vẫn đang hoạt động sinh lợi. Bên cạnh đó, do ông D, bà T không đăng ký kinh doanh khu tạo cảnh, không ký hợp đồng thuê đối với các thợ nhiếp ảnh và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng doanh thu thực tế của khu tạo cảnh nhưng lại yêu cầu bồi thường về việc mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T về việc yêu cầu Công ty M1 bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông **D**, bà **T** đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng do yêu cầu không được chấp nhận nên phải chịu chi phí tố tụng này, ông **D**, bà **T** đã nộp đủ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **D**, bà **T** không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông **D**, bà **T** là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. **Công ty M1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** về việc yêu cầu **Công ty Cổ phần M1** bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.593.646.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông **D**, bà **T** có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của **Công ty cổ phần M1** là 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam